

Bản án số: 18/2024/HNGĐ- ST

Ngày 20/3/2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chấn
2. Ông Nguyễn Văn Thụ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn S, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn V, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 18/12/2002, sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay. Vợ chồng có thời gian dài chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 02 con chung.

Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng năm 2021 đến nay, nguyên nhân do trong sinh hoạt hàng ngày anh chị không hòa hợp về tính tình, anh S thường xuyên chơi bời cờ

bạc, làm được bao nhiêu tiền là đánh bạc hết, không đưa tiền cho chị để chi phí sinh hoạt gia đình hàng ngày. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S chỉ thay đổi được ít ngày là lại đánh bạc tiếp, gia đình hai bên có khuyên bảo anh S là không được đánh bạc nữa, tập trung làm ăn để lo kinh tế gia đình, anh S cũng có hứa là sẽ thay đổi nhưng được một thời gian ngắn lại tiếp tục chơi cờ bạc. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm và anh S còn đánh và đuổi chị đi. Bản thân anh chị đã có rất nhiều lần ngồi lại với nhau để dàn xếp chuyện vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả.

Do không chịu đựng được cuộc sống chung vợ chồng như vậy và do anh S đuổi chị nên chị đã bỏ về nhà để ở từ đầu tháng 12 năm 2023 đến nay. Sau khi chị về nhà để ở thì anh S không gọi chị về đoàn tụ vợ chồng. Gia đình hai bên có dàn xếp, khuyên bảo cho anh chị về đoàn tụ nhưng không có kết quả. Anh chị chính thức ly thân và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 12 năm 2023 đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh chị không thể tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn S.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Đặng Văn H, sinh ngày 24/9/2003 và Đặng Thu Q, sinh ngày 16/3/2008. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và có công việc ổn định nên chị không có yêu cầu gì, còn cháu Q đang ở với anh S, nếu ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Q. Nếu anh S có nguyện vọng được nuôi con chung thì chị không đồng ý vì anh S suốt ngày chơi cờ bạc nên không có khả năng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp*: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu không thỏa thuận được thì anh chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Ngoài ra chị T không còn yêu cầu nào khác.

* *Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn là anh Đặng Văn S trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị T kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lục Nam, Bắc Giang vào ngày 18/12/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay và có thời gian dài chung sống hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ khoảng đầu năm 2003, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm nhưng không đưa tiền cho chị T, thi thoảng có uống rượu, đánh bài. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có ngồi lại dàn xếp với nhau nhưng không có kết quả. Đến gần Tết âm lịch năm 2024, chị T bỏ về nhà để ở, sau khi chị T bỏ về nhà để ở anh có gọi điện để thuyết phục chị T về đoàn tụ nhưng chị T không về, anh chị ly thân từ đó đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nếu cô T nhất quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có hai con chung là Đặng Văn H, sinh ngày 24/9/2003 và Đặng Thu Q, sinh ngày 16/3/2008. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và có công việc riêng, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Q, hiện nay đang ở với anh, nay ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu Q có nguyện vọng ở với mẹ thì anh đồng ý để cháu Q ở với mẹ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Đặng Văn S không còn ý kiến nào khác.

- Ngày 29 tháng 02 năm 2024, Tòa án tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đặng Văn S xin vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- Tại phiên tòa ngày 20 tháng 3 năm 2024, chị Bàn Thị T có mặt, anh Đặng Văn S có đơn xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vắng mặt anh S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; **nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt**, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Bàn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Đặng Thu Q, sinh ngày 16/3/2008.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn là chị Bàn Thị T có mặt; bị đơn là anh Đặng Văn S có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn S có địa chỉ tại xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào **khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39** của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Bàn Thị T có đơn xin ly hôn với anh Đặng Văn S nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*".

[4] Về nội dung:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bàn Thị T và anh Đặng Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang vào ngày 18/12/2002. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh chị không hòa hợp về tính tình, anh S thường xuyên chơi bời cờ bạc, làm được bao nhiêu tiền là đánh bạc hết và không đưa tiền cho chị để chi phí sinh hoạt gia đình hàng ngày. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh S không chịu thay đổi. Theo anh S thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh đi làm nhưng không đưa tiền cho chị T, thi thoảng có uống rượu, đánh bài. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có ngồi lại dàn xếp với nhau nhưng không có kết quả. Đến gần Tết âm lịch năm 2024, chị T bỏ về nhà đẻ ở, sau khi chị T bỏ về nhà đẻ ở anh có gọi điện để thuyết phục chị T về đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, bà Trương Thị H – trưởng thôn V, xã L cho biết: Chị T và anh S phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S chơi bời cờ bạc, không đưa tiền cho chị T để chi tiêu sinh hoạt hàng ngày và nuôi dạy con cái nên vợ chồng xảy ra cãi nhau, bản thân bà có dàn xếp cho vợ chồng chị T và anh S nhưng không có kết quả. Nay chị T xin ly hôn anh S thì bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Chị T và anh S có hai con chung là Đặng Văn H, sinh ngày 24/9/2003 và Đặng Thu Q, sinh ngày 16/3/2008. Hiện nay con chung Đặng Văn H đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung Đặng Thu Q đang ở cùng anh S. Nay ly hôn, chị T đề nghị được nuôi cháu Q, anh S đồng ý để chị T được nuôi con chung, cháu Q có nguyện vọng được ở với chị T.

Xét thấy: Đề nghị của chị T và anh S là tự nguyện, không bị ai ép buộc, phù hợp pháp luật, phù hợp đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung. Do vậy, cần giao con chung là Đặng Thu Q, sinh ngày 16/3/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân và gia đình; sau khi vợ chồng ly hôn anh S được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T và anh S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Chị T và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Bàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bàn Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn S.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Bàn Thị T trực tiếp nuôi con chung là Đặng Thu Q, sinh ngày 16/3/2008.

Về cấp dưỡng nuôi: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Bàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0008018 ngày 03/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Xác nhận chị Bàn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã L, huyện Lục Nam;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh